

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề; hoàn thành nhiệm vụ của UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Điều 11 của Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; góp phần thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo điều kiện bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn nhằm thực hiện mục tiêu phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập người dân.

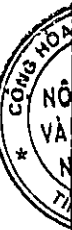
2. Căn cứ vào nội dung của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018, Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 và thực tế tại địa phương, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện. Chủ động phối hợp thường xuyên thông nhất giữa các sở, ngành và địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.

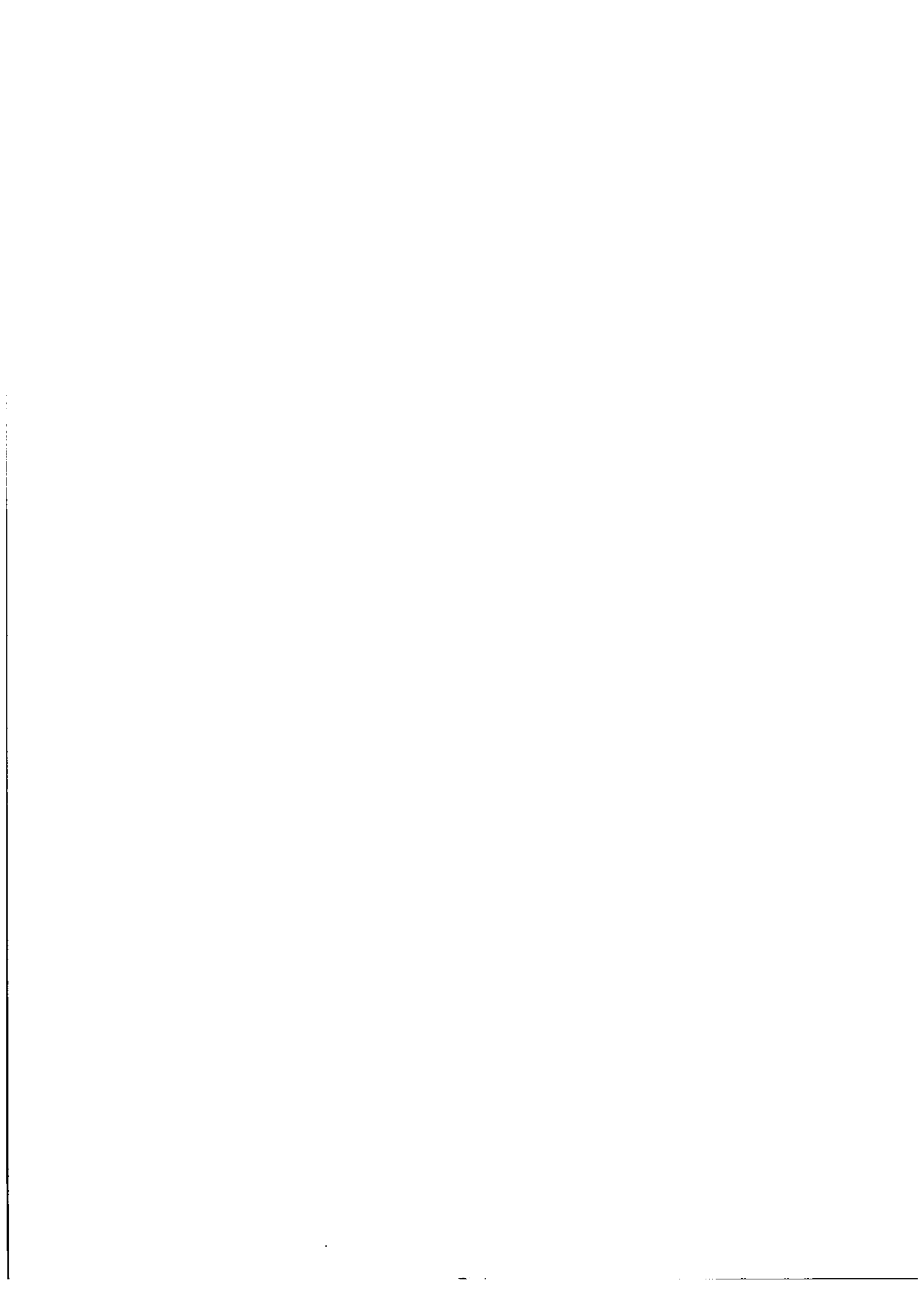
II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho người làm nghề truyền thống; người làm nghề tại làng nghề, làng nghề truyền thống và người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn.

3. Tổ chức điều tra thống kê số lượng, tình hình phát triển của các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.





4. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5. Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn các huyện và thành phố xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu hàng năm, 05 năm; tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình UBND tỉnh đưa vào dự toán ngân sách Nhà nước.

7. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của các làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản

- Chủ trì, tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề; đồng thời theo dõi tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề; tổng hợp báo cáo về phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề theo quy định.

- Hàng năm phối hợp các sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Sở Tài chính tổng hợp để cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan Báo, Đài phổ biến tuyên truyền các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho người làm nghề truyền thống; người làm nghề tại làng nghề, làng nghề truyền thống và người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn.

- Tổ chức khảo sát số lượng, tình hình phát triển của các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2020 và định kỳ 5 năm một lần.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành và các địa phương tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành và các địa phương tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện chương trình phát triển

ngành nghề nông thôn, làng nghề tại các huyện và thành phố; tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở

Phối hợp với Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản để hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, đầu tư đối với các chính sách, hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề theo quy định hiện hành.

c) Các đơn vị có liên quan thuộc Sở

Căn cứ nhiệm vụ được giao phối hợp tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả theo quy định.

2. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đồng thời phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất theo đề nghị của UBND tỉnh, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. UBND các huyện, thành phố

- UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết và dự toán kinh phí về hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn (*Kinh phí cần phân định rõ nguồn thực hiện của cấp huyện, nguồn kinh phí đề xuất cấp tỉnh*) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trước ngày 12/3/2020.

- Định kỳ 5 năm một lần, rà soát thống kê, phân loại, lập kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

- Hàng năm, rà soát và lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đạt các tiêu chí được quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ lập hồ sơ đề nghị xét công nhận theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quản lý, duy trì việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; thực hiện và nâng cao chất lượng tiêu chí về công tác bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư, nâng cấp các hạng mục công trình xử lý chất thải cho làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

- Định kỳ 06 tháng (trước ngày 10/5), một năm (trước ngày 20/11 hàng năm) báo cáo kết quả thực hiện tình hình phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tham mưu UBND tỉnh

PHÒNG
CỤC
KINH TẾ
HỢP TÁC
VÀ
PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN


chỉ đạo. Hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu chỉ đạo của UBND tỉnh, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ nội dung và nhiệm vụ phân công tại Kế hoạch này đề nghị các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý./.

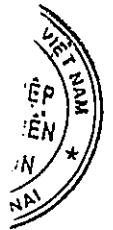
Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, VHHT&DL, LĐTBXH;
- Hội nông dân tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Các đơn vị trực thuộc sở;
- Phòng KHTC Sở,
- Lưu: VT, PTNT&QLCL (Hoàng). 0/

KT. **GIÁM ĐỐC,
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Minh





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hỗ trợ phát triển
ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4949/TTr-SNN ngày 03/12/2019 và Công văn số 5248/SNN-PTNT&QLCL ngày 24/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2020 và bãi bỏ Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định phân công thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS, KTN.

(Khoa Kế831 Qđhtronghemngthon)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh

QUY ĐỊNH

**Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48 /2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh quyết định công nhận.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

Trong trường hợp cùng một thời điểm, cùng nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 4. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Các hoạt động ngành nghề nông thôn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (Sau đây viết tắt là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP) bao gồm:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.
5. Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.

6. Sản xuất muối.
7. Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống cư dân nông thôn.

Chương II

CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 5. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc đối với các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

1. Sản phẩm được tạo ra bằng phương pháp thủ công với chất liệu, công nghệ truyền thống với những bí quyết, kỹ năng nghề nghiệp của cá nhân hoặc cả cộng đồng.

2. Sản phẩm làm ra phải chứa đựng các yếu tố văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa của cha ông vừa phải đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội hiện tại.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thời gian xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN, NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 8. Mức chi hỗ trợ kinh phí để di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch

Các cơ sở ngành nghề nông thôn khi thực hiện dự án di dời đến địa điểm quy hoạch sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển di dời, xây dựng cơ sở là 30.000 đồng/m² tính theo diện tích thuê lại. Cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ

- a) Đối với doanh nghiệp

- Doanh nghiệp vừa: Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/01 doanh nghiệp (hỗ trợ thuê lại không quá 10.000 m²/01 doanh nghiệp).

- Doanh nghiệp nhỏ: Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/01 doanh nghiệp (hỗ trợ thuê lại không quá 5.000 m²/01 doanh nghiệp).

- Doanh nghiệp siêu nhỏ: Mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/01 doanh nghiệp (hỗ trợ thuê lại không quá 2.000 m²/01 doanh nghiệp).

b) Đối với các hợp tác xã, tổ hợp tác: Được áp dụng mức hỗ trợ như đối với doanh nghiệp nhỏ.

c) Đối với hộ gia đình: Được áp dụng mức hỗ trợ như đối với doanh nghiệp siêu nhỏ.

2. Điều kiện hỗ trợ

- Có quyết định di dời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Cơ sở ngành nghề nông thôn di dời vào khu, cụm công nghiệp hoặc địa điểm quy hoạch làng nghề đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Khu, cụm công nghiệp hoặc địa điểm quy hoạch làng nghề đã hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật và cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện dự án di dời tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt.

- Tiêu chí xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa: Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 9. Hỗ trợ đào tạo nhân lực

1. Ngân sách huyện hỗ trợ một phần chi phí lớp học cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp mở lớp truyền nghề, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Chi thuê hội trường, phòng học, thuê thiết bị phục vụ học tập (nếu có);
Mức chi hỗ trợ 50% chi phí thực tế;

- Chi biên soạn giáo trình: 45.000 đồng/trang chuẩn;

- Chi nước uống phục vụ lớp học 40.000 đồng/người/ngày;

- Chi in và cấp chứng chỉ cho học viên 5.000đồng/chứng chỉ.

2. Đối với đào tạo theo hình thức kèm cặp, truyền nghề cho đối tượng tham gia học chương trình đào tạo học nghề, người truyền nghề (Nghệ nhân, thợ thủ công...) được chi trả thù lao người dạy nghề 500.000 đồng/buổi từ ngân sách huyện.

Điều 10. Hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho mỗi nghề, làng nghề đạt tiêu chí được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Mức tiền hỗ trợ được thể hiện cụ thể tại Quyết định công nhận của UBND tỉnh như sau:

1. Nghề truyền thống được công nhận: Hỗ trợ 30.000.000 đồng.


2. Làng nghề được công nhận: Hỗ trợ 30.000.000 đồng.


3. Làng nghề truyền thống được công nhận: Hỗ trợ 45.000.000 đồng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực làng nghề, ngành nghề nông thôn. 

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật. 

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu UBND tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn.

⑤ Hướng dẫn các huyện và thành phố xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu hàng năm, 05 năm; tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình UBND tỉnh đưa vào dự toán ngân sách Nhà nước.

6. Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho người làm nghề truyền thống; người làm nghề tại làng nghề, làng nghề truyền thống và người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn.

7. Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn đến các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề.

⑧ Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn gửi Sở Tài chính tổng hợp để cân đối, bố trí nguồn kinh phí cho các Sở, ngành và địa phương thực hiện.

9. Tổ chức điều tra thống kê số lượng, tình hình phát triển của các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

10. Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính hướng dẫn UBND các địa phương thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, nghề nhân, thợ thủ công tổ chức đào tạo nghề.

11. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của các làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hàng năm được duyệt Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông

ngành và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định.

Điều 13. Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, đầu tư đối với các chính sách, hoạt động phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

2. Cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để hỗ trợ cho hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm theo quy định hiện hành.

Điều 14. Sở Công Thương

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch khuyến công và hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các cơ chế, chính sách sau khi được ban hành.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố hỗ trợ đưa các sản phẩm của làng nghề, nghề truyền thống vào các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại thông qua các chương trình xúc tiến thương mại.

4. Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động khuyến công từ nguồn ngân sách tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 15. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn được giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định;

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề. Công bố thông tin về hiện trạng môi trường, công tác bảo vệ môi trường trên các trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin của tỉnh.

Điều 16. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Nghiên cứu kết nối các hoạt động du lịch gắn với nghề truyền thống.

2. Lồng ghép các hoạt động xúc tiến du lịch gắn với tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm nghề truyền thống.

Điều 17. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ

trợ về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và thực hiện các quy định về lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội để phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 18. Hội Nông dân tỉnh

Tuyên truyền các cơ chế chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn và phối hợp với các địa phương, các ngành liên quan xây dựng củng cố các mô hình phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 19. Liên Minh Hợp tác xã tỉnh

Tuyên truyền vận động các đơn vị kinh tế tập thể thực hiện xây dựng phát triển ngành nghề nông thôn. Phối hợp các địa phương và Hội Nông dân vận động thành lập các hình thức kinh tế tập thể, tham gia xây dựng và củng cố các hợp tác xã, dịch vụ phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Kinh tế) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

2. Xây dựng kế hoạch, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương.

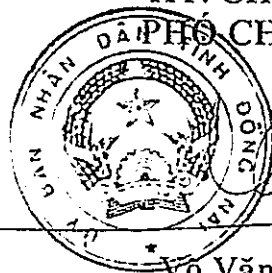
3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; định kỳ 5 năm một lần, rà soát, thống kê, phân loại, lập kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

4. Quản lý việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống; rà soát, lập danh sách làng nghề được công nhận; thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư, nâng cấp các hạng mục công trình xử lý chất thải cho làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Điều 21. Các sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh